

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày 29/02/2024

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Trung Dũng;
- Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 08/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L (tên gọi khác Mỹ O), sinh năm 1947; nơi thường trú: 1105 Q, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: B H, Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày: Vào ngày 21/12/2019 âm lịch tôi cho bà Nguyễn Thị H vay 220.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng, vay không có lãi. Bà H viết và ký vào giấy mượn tiền thể hiện nội dung vay. Hết thời hạn vay nhưng bà H không trả tiền theo thỏa thuận, đến ngày 21/01/2023 bà H chuyển khoản trả 10.000.000đ. Tôi đã nhiều lần liên hệ nhưng bà H cố tình trốn tránh, điện thoại không nghe máy, đến nhà nhiều lần nhưng bà H không chịu gặp. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 210.000.000đ.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý,

triệu tập đến làm việc, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt nên không trình bày được ý kiến của mình về nội dung vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H phải trả cho nguyên đơn bà L tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 210.000.000đ. Buộc bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lâm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: B H, Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà H.

[3] LỜI trình bày của nguyên đơn phù hợp với “Giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp. Như vậy có căn cứ xác định vào ngày 21/12/2019 âm lịch, tức ngày 15/01/2020, bà H có vay của bà Lâm Thị L 220.000.000đ. Theo “Giấy mượn tiền” các bên không có thỏa thuận về thời hạn trả và không thỏa thuận về lãi suất vay, do vậy xác định thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay không có thời hạn và không có lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần đòi nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 210.000.000đ. Bị đơn không đến Tòa, không cung cấp tài liệu chứng minh việc đã trả tiền cho nguyên đơn, nên cần xác định theo lời khai của nguyên đơn là bị đơn đã trả cho nguyên đơn 10.000.000đ, số tiền còn nợ là 210.000.000đ. Do vậy cần

chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 210.000.000đ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $210.000.000đ \times 5\% = 10.500.000đ$. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị L số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000đ (mười triệu, năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Lâm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006869 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 29/02/2024. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo